

Bản án số: **63/2017/DS-ST**

Ngày: 07/12/2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Dương.

Ông Ngô Thành Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:*** Ông Giang Tấn Sỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2017/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐXXST-DS ngày 17/11/2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Tăng Văn T, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 131, khóm M, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951. (Có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Võ Thị N, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

* Bà Võ Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn M (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017).

Cùng địa chỉ: Số 136, khóm B, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Tăng Văn T trình bày:** Vào ngày 05/5/2017 dương lịch, ông Nguyễn Văn M có vay ông số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), thời hạn vay 30 ngày, việc vay tiền có làm biên nhận cùng ngày 05/5/2017. Khi vay tiền thì không ai biết, chỉ có ông và ông M biết. Đến hạn trả nợ ông có đến gặp ông M nhiều lần để đòi tiền nhưng ông M cứ hứa rồi không trả cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M cùng vợ là bà Võ Thị N trả cho ông số tiền vốn vay 8.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 05/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 9%/năm.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:** Vào năm 2016, ông có vay của ông T 20.000.000 đồng, con ông vay 30.000.000 đồng, do con ông lấy bằng khoán của ông thế chấp cho ông T nên ngày 05/4/2017, ông T nhập lại số tiền là 50.000.000 đồng và kêu ông ký nhận. Sau đó, ông có xin ông T cho mượn lại bằng khoán để ông vay Ngân hàng trả cho ông T nhưng ông T không đồng ý nên ông có đi vay bên ngoài trả cho ông T 50.000.000 đồng. Khi trả tiền thì ông T nói tiền lãi là 8.000.000 đồng kêu ông ký nhận và hứa sẽ cho ông trả từ từ, nay ông T khởi kiện ông ra Tòa án thì ông không đồng ý trả cho ông T vì số tiền này là tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng chứ không phải tiền vay như ông T trình bày.

- **Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2017, bà Võ Thị N trình bày:** bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn M là số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng, trong quá trình vay thì vợ chồng bà đã đóng lãi cho ông T nhiều rồi nên bà không đồng ý trả nữa.

- **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:** Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu 8.000.000đ (Tám triệu đồng) vì vợ chồng bị đơn ông M, bà N cho rằng số tiền trên là tiền lãi của khoản vay 50.000.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện không yêu cầu tính lãi, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tăng Văn T thay đổi nội dung đơn khởi kiện không yêu cầu tính lãi với số tiền 8.000.000 đồng. Việc

thay đổi nội dung khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Tăng Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị N trả cho ông số tiền vay 8.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông Nguyễn Văn M cho rằng số tiền này là số tiền lãi mà ông và con ông vay tiền của ông T, ông vay 20.000.000 đồng, con ông vay 30.000.000 đồng, đến ngày 05/4/2017 thì nhập chung lại thành số tiền 50.000.000 đồng, khi ông trả số tiền 50.000.000 đồng thì ông T có nói là tiền lãi 8.000.000 đồng, lúc đó ông mới ký nhận nợ là tiền lãi chứ thực chất không phải tiền vay vì khi ký nhận thì ông không có nhận tiền. Ông T hứa sẽ cho ông trả dần số tiền lãi nhưng nay ông T lại kiện vợ chồng ông ra Tòa án nên ông không đồng ý trả nữa.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa, ông M cho rằng số tiền 8.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 05/5/2017 là tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng chứ không phải tiền vay, khi ông ký nhận thì ông không coi kỹ tờ biên nhận, nay ông cũng thừa nhận là có nợ ông T số tiền 8.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý trả vì ông T hứa cho ông trả dần nhưng lại kiện vợ chồng ông ra Tòa án. Ông M cho rằng số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi không phải tiền vay nhưng ông không cung cấp được các chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, Ông M còn cho rằng từ khi ký nhận nợ đến nay thì ông có trả cho ông T số tiền 100.000đ (Một trăm ngàn đồng), việc trả tiền không làm biên nhận và cũng không ai biết. Tại phiên tòa, ông T không thừa nhận có nhận số tiền 100.000 đồng của ông M và ông M cũng không có chứng cứ gì chứng minh đã đóng cho ông T số tiền 100.000 đồng. Theo “Giấy vay tiền ngày 05/5/2017” thể hiện số tiền 8.000.000 đồng là tiền vay không phải tiền lãi như ông M trình bày và ông M cũng thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của ông. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T buộc vợ chồng ông M, bà N trả cho ông số tiền vay 8.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông M, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng ông M, bà N đã trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244; Điều 266; điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị N trả cho ông Tăng Văn T số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị N không phải chịu.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lệ Bùi Chí Tâm

Trương Anh Tuấn